**PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

**CHẾ BIẾN NÔNG LÂM THỦY SẢN TẠI NGHỆ AN**

 **Trần Tú Khánh**

 **Nguyễn Thị Tiếng**

 **Nguyễn Đình Vinh**

**Trường Đại học Vinh**

**Email: trantukhanh@gmail.com**

*Nghệ An là tỉnh nằm ở phía bắc miền Trung có tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Đây là yếu tố vô cùng quan trọng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trong lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản hình thành và phát triển. Tuy nhiên, các doanh nghiệp này đang gặp nhiều khó khăn. Để thúc đẩy các doanh nghiệp này phát triển thì cần các giải pháp thiết thực và đồng bộ.*

**PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Dựa trên các kết quả nghiên cứu đã có từ trước, nhóm tác giả nghiên cứu: Các DNNVV chế biến nông lâm thủy sản, trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong thời gian từ năm 2013 - 2015.

Nghiên cứu tiến hành khảo sát điều tra 300 DNNVV hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Số phiếu phát ra là 300 phiếu, số phiếu hợp lệ thu về là 290 phiếu. Nhóm tác giả sử dụng phương pháp phân tích đánh giá, thống kê, mô tả.

Phương pháp xử lý số liệu: Toàn bộ nguồn số liệu được lập bảng, tính toán, xử lý thống kê bằng phần mềm Excel.

 **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

 **Tiêu chí nhận dạng doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Mỗi quốc gia khác nhau khác nhau trên thế giới có những tiêu chí khác nhau để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tại Việt Nam, tiêu chí về DNNVV được quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, ngày 30/06/2009 của Chính phủ (Bảng 1).

**Bảng 1**: **Tiêu chí nhận dạng DNNVV**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Quy mô****Lĩnh vực** | **DN siêu nhỏ** | **DN nhỏ** | **DN vừa** |
| **Số lao động** | **Tổng nguồn vốn** | **Số lao động** | **Tổng nguồn vốn** | **Số lao động** |
| Nông nghiệp | 10 người trở xuống | 20 tỷ đồng trở xuống | 11 – 200 người | 21 – 100 tỷ đồng | 201 – 300 người |
| Công nghiệp | 10 người trở xuống | 20 tỷ đồng trở xuống | 11 – 200 người | 21 - 100 tỷ đồng | 201 – 300 người |
| TM&DV | 10 người trở xuống | 10 tỷ đồng trở xuống | 11 – 50 người | 11 – 50 tỷ đồng | 51 – 100 người |

*Nguồn: Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, ngày 30/06/2009 của Chính phủ*

Theo quy định này, đến đầu năm 2015, toàn tỉnh Nghệ An có trên 98% doanh nghiệp là DNNVV. Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản chiếm 12,06%, bao gồm: 41,75% doanh nghiệp siêu nhỏ, 47,97% doanh nghiệp nhỏ và 9% doanh nghiệp vừa.

**Thực trạng của doanh nghiệp nhỏ và vừa chế biến nông lâm thủy sản**

***Quy mô vốn đầu tư***

Theo số liệu năm 2015 của UBND tỉnh Nghệ An trong báo cáo tổng kết “đề án Phát triển doanh nghiệp Nghệ An giai đoạn 2010 – 2015”, Nghệ An có hơn 11.500 doanh nghiệp (12,06% số đó là doanh nghiệp chế biến nông lâm thủy sản), vốn đăng ký bình quân 5 tỷ/1 doanh nghiệp.

**Bảng 2: Quy mô vốn đầu tư của DNNVV chế biến nông sản nhỏ**

Đơn vị tính: %

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô vốn****Loại DN** | 100 triệu đồng trở xuống | 100 - 500 triệu đồng | 500 – 1000 triệu đồng | 1 - 5 tỷ đồng | 5 - 10 tỷ đồng |
| % doanh nghiệp | 36,67 | 16,66 | 3,33 | 30 | 13,33 |
| DN chế biến lâm sản | 0,00 | 0,00 | 3,33 | 3,33 | 0,00 |
| DN chế biến nông sản | 33,34 | 3,33 | 0,00 | 13,33 | 13,33 |
| DN chế biến thủy sản | 3,33 | 13,33 | 0,00 | 13,34 | 0,00 |

*Nguồn: Số liệu điều tra năm 2015*

 Số liệu điều tra về vốn đầu tư của các chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2015 được mô tả ở bảng 2 cho thấy, mức đầu tư vốn ban đầu của doanh nghiệp rất thấp.

- Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư ban đầu dưới 100 triệu đồng chiếm 36,67%, số doanh nghiệp có vốn đầu tư 100-500 triệu đồng chiếm 16,66%, số doanh nghiệp có vốn đầu tư từ 500 triệu - 1 tỷ đồng chiếm 3,33%, số doanh nghiệp có vốn đầu tư từ 1- 5 tỷ đồng chiếm 30%, còn lại 13,33% là doanh nghiệp có vốn đầu tư từ 5- 10 tỷ đồng. Trong số các doanh nghiệp được điều tra, xét về vốn đầu tư, không có doanh nghiệp nào là doanh nghiệp có quy mô vừa theo quy định.

Theo từng ngành chế biến riêng thì quy mô vốn có sự khác biệt:

- Doanh nghiệp chế biến nông sản có mức vốn đầu tư đa dạng, trong đó mức đầu tư 1 – 10 tỷ chiếm 26,66%, mức đầu tư dưới 100 triệu chiếm 33,33% tổng số các các loại hình doanh nghiệp. Doanh nghiệp chế biến lâm sản: có 6,66% số doanh nghiệp có mức vốn từ 500 triệu đến 5 tỷ đồng. Doanh nghiệp chế biến thủy sản, vốn đầu tư chủ yếu ở mức 100-500 triệu và 1-5 tỷ, mỗi mức chiếm 13,33% tổng số các doanh nghiệp được điều tra.

Như vậy, số các doanh nghiệp chế biến nông sản có mức vốn đầu tư dưới 100 triệu đồng chiếm tỷ trọng cao nhất (33,33%). Xuất phát từ thực tế là một số ngành nghề chế biến truyền thống không đòi hỏi đầu tư nhiều, người dân có thể tự tích lũy hoặc huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư để sản xuất kinh doanh.

***Quy mô lao động***

Lao động trong các doanh nghiệp chế biến nông lâm thủy sản nhỏ và vừa chủ yếu là lao động phổ thông, thiên về lao động gia đình.

**Bảng 3**. Quy mô lao động của các doanh nghiệp chế biến nông sản nhỏ và vừa

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu phân loại DN theo lao động** | **Đơn vị** | **DN chế biến lâm sản** | **DN chế biến nông sản** | **DN chế biến thủy sản** | **%/tổng DN** |
| 1 | Dưới 10 lao động | % | 3,33 | 40 | 10 | 53,33 |
| 2 | Từ 10 – 200 lao động | % | 3,33 | 10 | 16,67 | 30 |
| 3 | Từ 200 – 300 lao động | % | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Trên 300 lao động | % | 3,33 | 13,34 | 0 | 16,67 |

*(Nguồn: Số liệu điều tra 2015)*

- Xét trên quy mô lao động có tới 53,3% số doanh nghiệp sử dụng dưới 10 lao động, trong đó doanh nghiệp chế biến lâm sản chiếm 3,33%; chế biến nông sản chiếm tới 40 % và 10% còn lại là doanh nghiệp chế biến thủy sản.

- Với quy mô từ 10 – 200 lao động có 30% tổng số DNNVV được điều tra, trong đó doanh nghiệp chế biến lâm sản chiếm 3,33%,doanh nghiệp chế biến nông sản chiếm 10%, doanh nghiệp chế biến thủy sản 16,67%.

- Trên 300 lao động: có 16,67% doanh nghiệp được điều tra, trong đó doanh nghiệp chế biến nông sản chiếm 13,34%.

Như vậy, xét trên quy mô lao động các doanh nghiệp được điều tra thuộc diện siêu nhỏ là chủ yếu.

Trình độ lao động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực chế biến nông sản nhìn chung còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất. Số liệu điều tra cho thấy:

- Chưa có lao động có trình độ sau đại học; Lao động có trình độ đại học chiếm 5,28%; Lao động có trình độ cao đẳng chiếm 2,37%; Số lượng lao động có trình độ trung cấp và đào tạo nghề được sử dụng có tỷ lệ xấp xỉ nhau 11,12% và 12,36%;

 - Lao động phổ thông chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ cao nhất 68,87%.

Lực lượng lao động chủ yếu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Nghệ An chủ yếu là lao động phổ thông, lao động thủ công chưa qua đào tạo. Đây là một khó khăn chung cho tất cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông sản khi muốn mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng sản phẩm.

 ***Khả năng tiếp cận vốn***

Khó khăn lớn nhất đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung và chế biến nông lâm thủy sản nói riêng hiện nay là vốn. Số liệu khảo sát cho thấy, 75% số doanh nghiệp được điều tra trên địa bàn Tỉnh có vốn điều lệ dưới 5 tỷ đồng. Khoảng 90% doanh nghiệp phải đi vay vốn ngân hàng, việc tự huy động vốn để đầu tư phát triển sản xuất là rất khó khăn do hầu hết các doanh nghiệp này không đủ điều kiện vay ngân hàng như không có tài sản đảm bảo, hồ sơ vay vốn không hợp lệ, không có phương án, dự án sản xuất kinh doanh. Số liệu ở bảng 4 cho thấy, các doanh nghiệp chế biến nông lâm thủy sản gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay. Có 76,7% số doanh nghiệp cho rằng lãi suất cao; 43,3% doanh nghiệp cho rằng mức vay chưa đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

**Bảng 4**. Khó khăn về vốn của doanh nghiệp chế biến nông sản nhỏ và vừa

tại Nghệ An

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Khó khăn** | **Tỷ lệ DN (%)** |
| 1 | Tài sản thế chấp | 25,7 |
| 2 | Thủ tục vay vốn | 33,3 |
| 3 | Mức vốn vay | 43,3 |
| 4 | Khả năng tiếp cận nguồn vốn | 16,7 |
| 5 | Lãi suất cao | 76,7 |

 *(Nguồn: Số liệu điều tra)*

***Quy hoạch vùng nguyên liệu***

Nghệ An là tỉnh có thế mạnh sản xuất nông nghiệp nên lượng nông sản làm ra khá lớn. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động chế biến nông lâm thủy sản cũng gặp không ít vấn đề trong thu mua và xây dựng vùng nguyên liệu. Những khó khăn về nguyên liệu đầu vào của doanh nghiệp được thể hiện ở bảng 5.

 **Bảng 5**. Khó khăn về nguyên liệu của các doanh nghiệp chế biến nông nhỏ và vừa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Khó khăn** | **Tỷ lệ DN (%)** |
| 1 | Nguồn cung cấp nguyên liệu | 43,3 |
| 2 | Tính mùa vụ của nông sản | 40 |
| 3 | Chất lượng nguồn nguyên liệu | 26,7 |
| 4 | Giá nguyên liệu | 20 |
| 5 | Địa hình phức tạp | 13,3 |

 *( Nguồn: Số liệu điều tra)*

Mối quan hệ giữa hai nhà “nhà nông – nhà doanh nghiệp” chưa thực sự gắn kết làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chế biến.

***Kết cấu hạ tầng***

Trong khi doanh nghiệp Nhà nước được giao đất và sử dụng chưa thực sự hiệu quả, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (chủ yếu thuộc khu vực tư nhân) lại gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm mặt bằng kinh doanh với chi phí rất lớn.

**Bảng 6.** Khó khăn của các doanh nghiệp chế biến nông nhỏ và vừa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khó khăn** | **Tiêu chí** | **Số % DN** |
| Mặt bằng | Quỹ đất ít | 46,7% |
| Giá bồi thường đất và giải phóng mặt bằng cao | 10% |
| Vùng nguyên liệu | Địa bàn xa xôi | 20% |
| Quỹ đất xây dựng vùng nguyên liệu ít | 16,7% |
| Nguồn cung cấp nguyên liệu | 50% |
| Trang thiết bị, công nghệ | Quy mô sản xuất nhỏ | 23,3% |
| Thành lập DN | Không đủ nhân lực vật lực | 26,7% |

 *( Nguồn: Số liệu điều tra)*

Thực tế từ kết quả khảo sát cho thấy, tại Nghệ An, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực chế biến nông lâm thủy sản hầu hết đều phải sử dụng diện tích nhà ở của mình, hoặc đi thuê lại các diện tích nhỏ lẻ để làm trụ sở, cơ sở kinh doanh. Có tới 46,7% doanh nghiệp có quỹ đất phục vụ sản xuất kinh doanh quá nhỏ, 10% doanh nghiệp cho rằng việc đền bù và giải phóng mặt bằng còn gây cản trở cho việc kinh doanh cũng như mở rộng sản xuất của doanh nghiệp.

***Nguồn nhân lực***

Lợi thế của doanh nghiệp chế biến nông lâm thủy sản là gần nông thôn, lực lượng lao động dồi dào song chất lượng lao động chưa đảm bảo yêu cầu. Có 26,7% doanh nghiệp đặt ra yêu cầu với lao động khi thuê; 23,3% doanh nghiệp cho biết trình độ lao động khi tuyển là thấp; 13,33% doanh nghiệp cho rằng chi phí lương cao. Một số doanh nghiệp phải dành kinh phí để đào tạo lại lao động trước khi đưa vào sử dụng.

**Tổ chức và chính sách**

Cơ cấu tổ chức của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực chế biến nông lâm thủy sản thường rất manh mún, số lượng lao động trong các doanh nghiệp chưa nhiều do đặc thù của ngành là sử dụng lao động không thường xuyên.

Trong số các doanh nghiệp nghiên cứu, đa phần đều dưới dạng hộ gia đình chiếm tới 53,3%; công ty trách nhiệm hữu hạn chiếm 23,3%; công ty cổ phần chiếm 16,7%. Các doanh nghiệp này, việc tổ chức họat động kinh doanh còn nhiều hạn chế do trình độ nhân lực chưa đáp ứng. Các doanh nghiệp chưa chú trọng đến vấn đề đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển sản xuất.

Theo điều tra có 30% doanh nghiệp gặp khó khăn khi tiếp cận với hỗ trợ tư vấn pháp lý; 43,3% doanh nghiệp thiếu thông tin thị trường, nguồn thông tin thị trường không được cập nhật thường xuyên. Còn đối với các chính sách mới ban hành của chính phủ chậm tới với các doanh nghiệp đặc biệt là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ.

**Những khó khăn trong quá trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa chế biến nông lâm thủy sản**

*Một là*, khó khăn về vốn sản xuất, theo số liệu điều tra, có 36,6% doanh nghiệp chế biến nông lâm thủy sản có quy mô vốn dưới 100 triệu đồng, 43,3% doanh nghiệp cho rằng họ thiếu vốn để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, việc tiệp cận với nguồn vốn vay hạn chế do thiếu phương án sản xuất kinh doanh, điều kiện thế chấp tài sản đảm bảo, mức độ rủi ro trong lĩnh vực nông nghiệp cao, . . .

*Hai là*, khó khăn về thủ tục hành chính, từ khi thành lập cho tới khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh có 40% doanh nghiệp cho biết họ gặp khó khăn về các thủ tục hành chính. Các loại thủ tục gây ảnh hưởng tới sự phát triển doanh nghiệp bao gồm: Thủ tục vay vốn 40% doanh nghiệp, thủ tục đăng ký‎ chất lượng sản phẩm thương hiệu sản phẩm 10% doanh nghiệp, thủ tục cấp đất và giải phóng mặt bằng 16,7% doanh nghiệp, thủ tục về thuế 6,7% doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện những thủ tục trên . . . Trong đó số lượng doanh nghiệp gặp khó khăn về thủ tục vay vốn là nhiều nhất tới 40% tổng số doanh nghiệp được điều tra.

*Ba là*, khó khăn về nguồn lao động, có tới 26,7% doanh nghiệp không đủ nhân lực, thiếu lao động tay nghề, không đủ vật lực. Lao động quản lý chưa được đào tạo kiến thức về thị trường, pháp luật.

*Bốn là*, khó khăn về nguồn nguyên liệu, chưa có các vùng sản xuất hàng hóa lớn để tạo nguồn cung ứng đầu vào ổn định cho doanh nghiệp chế biến nông lâm thủy sản. Sự biến động về sản lượng và giá cả sản phẩm nông nghiệp gây ra những tổn thất cho doanh nghiệp chế biến.

**Một số giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa chế biến nông lâm thủy sản**

**Thứ nhất, về tiếp cận vốn,** cần tăng mức vay/lượt vay, mở rộng đối tượng cho vay với những doanh nghiệp có hiệu quả cao, tạo nhiều công ăn việc làm. Đối với cơ sở chế biến quy mô nhỏ, cần cho vay theo hình thức tín chấp để giảm áp lực về tài sản thế chấp, có chính sách ưu đãi như áp dụng lãi suất thấp, nâng thời hạn cho vay, miễm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong giai đoạn đầu, . . ..

**Thứ hai, về quy hoạch vùng nguyên liệu, c**ần tạo ra các vùng sản xuất tập trung, có khối lượng hàng hoá lớn. Trên cơ sở đó mới khuyến khích việc thành lập doanh nghiệp, bởi kết quả điều tra cho thấy có đến 93% doanh nghiệp lấy nguồn nguyên liệu đầu vào ngay tại địa phương. Đây là điều kiện cần và đủ để gắn kết hai nhà – nhà nông và nhà doanh nghiệp.

**Thứ ba, về cơ chế, chính sách,** cần cải cách thủ tục hành chính kịp thời và đồng bộ, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho các doanh nghiệp phát triển. Rà soát, đánh giá để có những kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách cho phù hợp với khả năng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa từng địa phương, phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội củaTỉnh. Bố trí các kênh thông tin để phổ biến chủ trương, chính sách để doanh nghiệp nắm bắt đầy đủ và thực hiện nhanh chóng. .

**Thứ tư, về nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp chế biến nông lâm thủy sản.C**ần tăng cường các chính sách hỗ trợ, như: vay vốn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm chi phí và tổn thất khi doanh nghiệp gia nhập thị trường, hỗ trợ về thông tin thị trường, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Do đó, nên thành lập các trung tâm, câu lạc bộ dành riêng cho loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa ở từng địa bàn để họ có điều kiện trao đổi và tương trợ lẫn nhau.

**Thứ năm, về nguồn nhân lực,** cần tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực sử dụng phải theo hướng chuyên môn hóa cao, có chất lượng. Ngoài đào tạo nâng cao chuyên môn, đội ngũ lãnh đạo cần được đào tạo về kỹ năng quản lý, kỹ năng quản lý tài chính, kỹ năng quản trị nguồn nhân lực.

Để có thể thực hiện tốt giải pháp này, tỉnh Nghệ An nên khuyến khích sự liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo. Có như vậy các cơ sở đào tạo mới nắm bắt được nhu cầu thực tế về lao động và nâng cao được chất lượng của nguồn cung lao động.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

 [1]Chính phủ (2009). *Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*

[2] Lê Xuân Bá, Trần Kim Hào, Nguyễn Hữu Thắng (2006). *Doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2006.

 [3]UBND tỉnh Nghệ An, *Kế hoạch "Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (doanh nghiệp nhỏ và vừa) Nghệ An giai đoạn 2012- 2015",* năm 2013.

*(http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/214-6420-gioi-thieu-tap-chi-kinh-te-va-du-bao-so-17-625.html)*